

Số: /KH-UBND

Tỉnh Khê, ngày 19 tháng 12 năm 2024

**KẾ HOẠCH**  
**Chuyển đổi số xã Tỉnh Khê năm 2025**

Thực hiện Kế hoạch số 241/KH-UBND ngày 13/12/2024 của UBND thành phố Quảng Ngãi về Chuyển đổi số thành phố Quảng Ngãi năm 2025; UBND xã Tỉnh Khê ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số xã Tỉnh Khê năm 2025, cụ thể như sau:

**I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH**

- Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XX về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 20/02/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về Triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XX về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 09/10/2020 thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 169/KH-UBND ngày 09/12/2021 về Phát triển Chính quyền điện tử hướng đến Chính quyền số tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 906/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 về Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025;

- Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2025;

- Chương trình Số 52-CTr/TU ngày 17/11/2023 của Thành ủy Quảng Ngãi về việc thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 11072/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Quảng Ngãi ban hành Đề án đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong lãnh đạo, quản lý điều hành của thành phố Quảng Ngãi, giai đoạn 2021 - 2025;

- Kế hoạch số 125/KH-UBND ngày 30/6/2022 của UBND thành phố Quảng Ngãi về triển khai thực hiện quả Đề án đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong lãnh đạo, quản lý điều hành của thành phố Quảng Ngãi, giai đoạn 2021-2025;

- Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 09/4/2024 của UBND thành phố Quảng Ngãi về triển khai thực hiện Chương trình hành động số 52-CTr/TU ngày 17/11/2023 của Thành ủy Quảng Ngãi về thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2023, định hướng đến năm 2030.

## II. MỤC TIÊU

- Hoàn thành phát triển chính quyền điện tử ở xã; tập trung thực hiện các nhiệm vụ: Dữ liệu đất đai, tư pháp - hộ tịch, sổ sức khỏe điện tử, kết nối các hệ thống thông tin, dữ liệu để cung cấp dịch vụ trên VNeID, tạo nền móng ban đầu, sẵn sàng chuyển sang phát triển chính quyền số trong hoạt động chỉ đạo điều hành của UBND thành phố. Phát triển kinh tế số, xã hội số thúc đẩy chuyển đổi số khu vực doanh nghiệp, khu vực nông thôn theo tiêu chí nông thôn mới thông minh; triển khai đầy đủ các yêu cầu cơ bản về đảm bảo an toàn thông tin theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

- Nâng cao năng lực thể chế hóa chính sách, nhiệm vụ, lãnh đạo chỉ đạo triển khai nhiệm vụ về chuyển đổi số. Kiện toàn, phát triển nhân lực chuyển đổi số trong khu vực cơ quan hành chính nhà nước; triển khai các chương trình hợp tác đã ký kết cho mục tiêu huy động nguồn nhân lực, công nghệ; phát triển Mạng lưới chuyển đổi số, Mạng lưới tư vấn viên chuyển đổi số doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ CNSCĐ.

- Một số chỉ tiêu cơ bản, phấn đấu thực hiện đến hết năm 2025 tại **Phụ lục 1**.

## III. NHIỆM VỤ

### 1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra hoạt động chuyển đổi số

- Phát huy vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu; phối hợp đồng bộ, chặt chẽ, xuyên suốt giữa các đơn vị, ngành, bộ phận nhất là đối với các nhiệm vụ phối hợp có quy mô lớn, liên ngành.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ vướng mắc; lấy nhiệm vụ phát triển con người, bảo đảm và cải thiện dân sinh làm mục đích, minh bạch hóa và tăng cường sự tham gia của người dân và doanh nghiệp. Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tham gia, nhất là các dịch vụ công trực tuyến, xây dựng niềm tin của người dân về cải cách hành chính nhà nước.

### 2. Thể chế, chính sách số

Phối hợp tham mưu ban hành các chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh trên môi trường điện tử; rà soát các chế độ báo cáo bảo đảm ban hành những chế độ báo cáo thật sự cần thiết.

### 3. Hạ tầng số

- Tiếp tục phối hợp thực phát triển kết nối internet băng rộng cố định đến hộ gia đình, cụm dân cư; phủ sóng 5G tại các điểm có thiết bị quan trắc.

- Phối hợp hoàn thành thiết lập cơ sở dữ liệu dùng chung, dữ liệu chuyên ngành tại Quyết định số 862/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung; tiếp tục phát triển dữ liệu, làm giàu dữ liệu tại các cơ sở dữ liệu đã có.

### 4. Nhân lực số

- Tiếp tục nâng cao nhận thức về chuyển đổi số của cán bộ lãnh đạo, tham gia bồi dưỡng kỹ năng thể chế hóa nhiệm vụ chuyển đổi số, nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo về công tác chuyển đổi số.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác công nghệ thông tin, chuyển đổi số hiện có, tham gia đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu để trở thành các chuyên gia nòng cốt tham mưu cho cấp ủy, chính quyền về chuyển đổi số; phát huy mạnh mẽ vai trò xung kích của Tổ Công nghệ số cộng đồng để lan tỏa phong trào chuyển đổi số sâu rộng đến mọi tầng lớp Nhân dân.

### **5. Phát triển dữ liệu số**

- Hoàn thành công tác số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực tại cơ quan theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ; bảo đảm Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân để tổ chức, cá nhân thuận tiện trong lưu trữ, quản lý và khai thác trong hoạt động hằng ngày, thúc đẩy nâng cao tỷ lệ tái sử dụng kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt mức trung bình khá của thành phố.

- Tiếp tục phát triển dữ liệu, làm giàu dữ liệu, làm sạch dữ liệu trong hoạt động của UBND xã; từng bước đưa hoạt động của tổ chức dựa trên dữ liệu, tạo tiền đề để chuyển sang giai đoạn hoạt động thuần trên môi trường số.

### **6. An toàn thông tin mạng**

- Rà soát, hoàn thành tất cả nhiệm vụ tại Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 23/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc tuân thủ quy định pháp luật và tăng cường bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Triển khai đầy đủ, kịp thời đối với các khuyến cáo, cảnh báo của Cục An toàn thông tin; tăng cường công tác truyền thông nâng cao nhận thức về an toàn trên không gian mạng, tham mưu lập danh sách tham gia đào tạo trực tuyến cho người dân, người lao động và đưa nội dung hướng dẫn về an toàn thông tin vào hoạt động của Tổ CNSCD.

### **7. Chính quyền số**

- Tiếp tục tăng cường phối hợp triển khai thực hiện việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong nội bộ cơ quan và giữa cơ quan nhà nước với người dân, doanh nghiệp. Xử lý dữ liệu về phát triển kinh tế, xã hội từ các nguồn khác nhau, từ đó tạo ra thông tin mới, dịch vụ dữ liệu mới phục vụ phát triển chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số; xây dựng, tạo lập dữ liệu mở phục vụ người dân, doanh nghiệp khai thác, sử dụng, thúc đẩy phát triển các dịch vụ số, góp phần công khai, minh bạch, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thúc đẩy phát triển các dịch vụ số.

- Đẩy mạnh triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên toàn địa bàn xã một cách đồng bộ, hiệu quả.

### **8. Kinh tế số và xã hội số**

Triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp theo Kế hoạch số 153/KH-UBND ngày 16/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về Triển khai thực hiện Đề án xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số; phấn đấu đến hết năm 2025, có khoảng 50% doanh nghiệp được đánh giá, làm cơ sở để thúc đẩy Chuyển đổi số doanh nghiệp; phát triển tên miền trong khu vực hộ kinh doanh cá thể và doanh nghiệp theo Quyết định số 826/QĐ-

BTTTT ngày 21/5/2024, từng bước hiện diện doanh nghiệp trên môi trường số, thúc đẩy thương mại điện tử, kinh doanh trên môi trường số.

### **9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin**

Đẩy mạnh truyền thông về Chuyển đổi số; tiếp tục tổ chức hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia bằng phương thức mới, cách làm mới; thực hiện truyền thông chuyển đổi số trên môi trường đa nền tảng, huy động nguồn lực truyền thông xã hội trong truyền thông chuyển đổi số và đặc biệt, lấy hoạt động của Tổ CNSCĐ là hạt nhân, nòng cốt trong truyền thông và nâng cao kỹ năng số, kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin trong cộng đồng.

## **IV. NỘI DUNG KẾ HOẠCH**

Ban hành văn bản về Chuyển đổi số phù hợp với nội dung Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 09/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về Triển khai thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai xây dựng chính quyền số; chỉ đạo đẩy mạnh chuyển đổi số tại các cơ quan Nhà nước và trong cải cách hành chính, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

### **1. Thể chế số**

1.1. Xây dựng Kế hoạch tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin

- *Bộ phận thực hiện:* Văn hóa – xã hội.

- *Bộ phận phối hợp thực hiện:* Các bộ phận chuyên môn có liên quan xã.- *Thời gian thực hiện:* Quý I năm 2024.

1.2. Rà soát, cập nhật các quy định về bảo đảm an toàn thông tin trong hoạt động của UBND xã.

- *Bộ phận thực hiện:* Văn phòng – thống kê

- *Bộ phận phối hợp thực hiện:* Các bộ phận chuyên môn có liên quan xã.

- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên trong năm.

### **2. Nhận thức số**

Truyền thông về chuyển đổi số trên các phương tiện truyền thông, nền tảng số như: Website, Zalo, Fanpage, Pano, ap pich, tờ rơi, màn hình điện tử ... nhằm chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số.

- *Bộ phận thực hiện:* Văn hóa – xã hội

- *Bộ phận phối hợp thực hiện:* Các bộ phận chuyên môn có liên quan xã.

- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

### **3. Hạ tầng số**

Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp viễn thông đẩy nhanh tốc độ phủ mạng cáp quang, mạng di động băng rộng đến tất cả khu vực dân sinh và phát triển hệ thống

truyền thanh theo hướng có ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông; thực hiện truyền thanh số.

- *Bộ phận thực hiện:* Văn phòng – thống kê
- *Bộ phận phối hợp thực hiện:* Các bộ phận chuyên môn có liên quan xã.
- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

#### **4. Dữ liệu số**

Thực hiện số hóa dữ liệu từ các tài liệu hiện có, phân đầu hoàn thành các chỉ tiêu số hóa đến cuối năm 2025; trong đó chú trọng số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính và tài liệu lưu trữ lịch sử theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 và Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 03/4/2020; Triển khai Kho dữ liệu điện tử trực tuyến của người dân, tổ chức (kho số theo Nghị định 45/2020/NĐ-CP).

- *Bộ phận thực hiện:* Văn phòng – thống kê
- *Bộ phận phối hợp thực hiện:* Các bộ phận chuyên môn có liên quan xã.
- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

#### **5. Nền tảng số**

5.1. Tiếp tục khai thác các nền tảng số đã được đầu tư xây dựng, kết nối khai thác CSDL quốc gia về dân cư, đất đai, đăng ký doanh nghiệp, tài chính; dữ liệu về hồ sơ sức khỏe điện tử; thực hiện chỉnh lý, số hóa hồ sơ lưu trữ, kết quả giải quyết TTHC trong tiếp nhận, giải quyết TTHC theo quy định tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ và Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ để các cơ quan nhà nước quản lý, điều hành nghiệp vụ chuyên ngành dựa trên dữ liệu, đồng bộ, thông suốt từ trung ương đến địa phương.

- *Bộ phận thực hiện:* Công an xã, Văn phòng – thống kê.
- *Bộ phận phối hợp thực hiện:* Các bộ phận chuyên môn có liên quan xã.
- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

5.2. Tiếp tục triển khai Hệ thống hội nghị truyền hình, phòng họp không giấy.

- *Bộ phận thực hiện:* Văn phòng – thống kê
- *Cơ quan phối hợp thực hiện:* Các bộ phận chuyên môn có liên quan xã.
- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

#### **6. Chính quyền số**

6.1. Tiếp tục nâng cao hiệu quả dịch vụ công trực tuyến.

- *Bộ phận thực hiện:* Văn phòng – thống kê
- *Bộ phận phối hợp thực hiện:* Các bộ phận chuyên môn có liên quan xã.
- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

6.2. Tham gia phát triển Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh, thông qua việc thực hiện báo cáo trực tuyến, triển khai mô hình làm việc từ xa theo hướng tiếp tục phát triển hệ thống Hội nghị truyền hình; kết hợp phòng họp không giấy.

- *Bộ phận thực hiện:* Văn phòng – thống kê
- *Bộ phận phối hợp thực hiện:* Các bộ phận chuyên môn có liên quan xã.
- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

### **7. Kinh tế số**

Đẩy mạnh công tác truyền thông về Chuyển đổi số trong doanh nghiệp bằng nhiều hình thức, tổ chức truyền thông về Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.

- *Bộ phận thực hiện:* Văn hóa – xã hội
- *Bộ phận phối hợp thực hiện:* Các bộ phận chuyên môn có liên quan xã.
- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

### **8. Xã hội số**

8.1. Phần đầu 100% người dân có một danh tính số và xác thực công dân số; 30% người dân trưởng thành có một tài khoản thanh toán số, có một chữ ký số cá nhân; mỗi người dân có một phần mềm bảo vệ an toàn thông tin mạng cơ bản, được phổ cập kỹ năng số cơ bản để tham gia vào các dịch vụ trên môi trường số.

- *Bộ phận thực hiện:* Công an xã,
- *Bộ phận phối hợp thực hiện:* Các bộ phận chuyên môn có liên quan xã.
- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

8.2. Triển khai các sáng kiến thúc đẩy thanh toán số không dùng tiền mặt như: xã số, chợ, siêu thị không dùng tiền mặt, bằng cách tổ chức các lớp học trực tuyến,...

- *Bộ phận thực hiện:* Văn phòng – thống kê
- *Bộ phận phối hợp thực hiện:* Các bộ phận chuyên môn có liên quan xã.
- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

## **IV. GIẢI PHÁP**

**1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp**

- Tăng cường công tác nâng cao nhận thức cộng đồng bằng việc phát huy hệ thống truyền thanh xã.

- Chọn lựa, sử dụng các nền tảng đào tạo kỹ năng số phù hợp người dân; thiết lập, phổ biến các nền tảng, kênh tương tác giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp.

- Chủ động áp dụng công nghệ mới về truyền thông xã hội, truyền thông số trong công tác thông tin tuyên truyền.

## **2. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ**

- Tối ưu hóa mẫu biểu, quy trình để tổ chức áp dụng trong môi trường số trong hoạt động của cơ quan.

- Thực hiện cung cấp thông tin và dịch vụ hành chính công trên thiết bị di động đối với các ứng dụng đã hoạt động ổn định.

## **3. Thu hút nguồn lực**

- Thực hiện cơ chế về tài chính theo Quyết định số 1557/QĐ-UBND 31/12/2022 của UBND tỉnh Quy định về đảm bảo tỷ lệ chi ngân sách nhà nước hàng năm cho Chuyển đổi số giai đoạn 2023-2025.

- Kết hợp các chương trình, dự án do cấp trên chủ trì để thực hiện nhiệm vụ, chú trọng mục tiêu phát triển nhân lực và dữ liệu số; chọn lựa, khai thác các công cụ do Bộ, ngành, doanh nghiệp chủ quản để giảm thiểu chi phí.

## **4. Tăng cường hợp tác**

Hợp tác với các đối tác có trình độ khoa học công nghệ phù hợp với đặc thù của xã; khuyến khích đội ngũ tại xã chủ động tham gia mạng lưới đổi mới sáng tạo quốc gia nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

## **5. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan**

Thực hiện điều chỉnh bổ sung chỉ tiêu đánh giá chuyển đổi số; thực hiện thu thập, cung cấp số liệu đánh giá qua mạng, từng bước hướng đến tự động hóa theo thời gian đối với số liệu, dữ liệu đánh giá; định kỳ công bố kết quả đánh giá chuyển đổi số trên Cổng thông tin điện tử của xã.

## **V. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước; các nguồn vốn lồng ghép từ các dự án có liên quan và các nguồn huy động hợp pháp khác.

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Văn hóa - xã hội**

- Tham mưu xây dựng và thực hiện Kế hoạch tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin.

- Chủ trì phối hợp với các bộ phận có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của kế hoạch đảm bảo mục tiêu đề ra.

### **2. Văn phòng – thống kê**

- Rà soát, cập nhật các quy chế, quy định về bảo đảm an toàn thông tin trong hoạt động của UBND xã.

- Chủ trì, phối hợp với Văn hóa xã hội hướng dẫn các CBCC, người lao động sử dụng phần mềm Dịch vụ công trực tuyến; vận hành, khai thác có hiệu quả Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả theo cơ chế Một cửa hiện đại.

- Chủ trì theo dõi trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành việc gửi nhận văn bản tích hợp chữ ký số của các cán bộ, công chức xã.

- Hướng dẫn thực hiện cải cách TTHC; cải cách chế độ báo cáo trong các cơ quan hành chính nhà nước phù hợp môi trường số được hình thành; tổ chức kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch này.

- Thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo yêu cầu.

### **3. Tài chính - Kế toán**

- Tham mưu cho UBND xã bố trí nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ Kế hoạch này theo quy định; tổ chức, hướng dẫn quản lý tài sản hình thành sau đầu tư phù hợp với quy định hiện hành.

- Chủ trì kiểm tra việc chi, thanh quyết toán ngân sách chi cho phát triển, ứng dụng CNTT và chuyển đổi số theo đúng quy định.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số năm 2025 trên địa bàn xã, yêu cầu ngành, bộ phận chuyên môn của xã nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch, nếu có phát sinh vướng mắc hoặc cần phải điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn, ngành, bộ phận chuyên môn của xã kịp thời báo cáo Chủ tịch UBND xã (*thông qua Văn phòng – thống kê*) để xem xét, chỉ đạo thực hiện./.

#### ***Nơi nhận:***

- Phòng VH-TT thành phố;
- TT Đảng ủy, HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- TT UBMTQVN xã;
- Các ngành, đoàn thể xã;
- Bộ phận một cửa;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Võ Minh Chính**



**Phụ lục**  
**DANH MỤC MỘT SỐ CHỈ TIÊU**  
**PHÂN ĐẦU HOÀN THÀNH ĐẾN HẾT NĂM 2025**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /12/2024 của Chủ tịch UBND xã)

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Bộ phận chủ trì</b>	<b>Bộ phận phối hợp</b>
1	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt tỷ lệ 95% thủ tục hành chính có đủ điều kiện	Văn phòng – thống kê	Các bộ phận chuyên môn có liên quan xã.
2	Hồ sơ trực tuyến toàn trình của các dịch vụ công trực tuyến đạt tỷ lệ trung bình tối thiểu 60%	Văn phòng – thống kê	Các bộ phận chuyên môn có liên quan xã.
3	Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID đạt 100%.	Công an xã	Các bộ phận chuyên môn có liên quan xã.
4	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%.	Văn phòng – thống kê	Các bộ phận chuyên môn có liên quan xã.
5	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính đạt 90%.	Văn phòng – thống kê	Các bộ phận chuyên môn có liên quan xã.
6	100% nhiệm vụ cấp trên giao được theo dõi, giám sát, đánh giá bằng dữ liệu số	Văn phòng – thống kê	Các bộ phận chuyên môn có liên quan xã.
7	Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) đạt 60%.	Văn phòng – thống kê	Các bộ phận chuyên môn có liên quan xã.
9	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử trong lĩnh vực thương mại đạt trên 80%	Tài chính – kế toán	Các bộ phận chuyên môn có liên quan xã.
10	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%.	Tài chính – kế toán	Các bộ phận chuyên môn có liên quan xã.
14	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục công lập trên toàn xã triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt đạt tỷ lệ 100%.	Các trường học	Các bộ phận chuyên môn có liên quan xã.
15	Tỷ lệ cơ sở khám chữa bệnh triển khai Sổ hồ sơ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID đạt 100%.	Trạm y tế	Các bộ phận chuyên môn có liên quan xã.
16	Tỷ lệ phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước đạt 100%, tỷ lệ triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ của các cơ quan nhà nước đạt 100%;	Văn phòng – thống kê	Các bộ phận chuyên môn có liên quan xã.

